

HIỆN TƯỢNG LẬP TỪ TRONG MỘT SỐ VĂN BẢN NÔM THỜI TIẾNG VIỆT CỔ VÀ TRUNG ĐẠI

PGS.TS VŨ ĐỨC NGHIÊU

TRẦN HƯƠNG THỰC

Trong Việt ngữ học, sự tạo lập và tư cách cũng như đặc tính ngữ nghĩa, ngữ pháp của những đơn vị như: *ngày ngày, đêm đêm, người người, quay quay, giật giật, âm âm...* đã được đề cập nghiên cứu từ lâu, nhưng các vấn đề về chúng vẫn chưa phải là đã được giải quyết hết.

Khi khảo sát một số văn bản Nôm thuộc giai đoạn tiếng Việt cổ và tiếng Việt trung đại, với những ngữ liệu thu thập được, chúng tôi thấy cần phải trở lại những dạng lập từ đó để làm rõ thêm những tính chất đặc biệt của chúng cả về phương diện ngữ nghĩa lẫn phương diện ngữ pháp.

Dưới đây là những phân tích cụ thể cùng với một số nhận xét và thảo luận.

1. Nguồn ngữ liệu khảo sát

Trong bài viết này, chúng tôi khảo sát ngữ liệu ở một số tác phẩm Nôm sau đây:

- *Phật thuyết phụ mẫu đại báo ân trọng kinh* (niên đại khoảng thế kỉ XI, XII) [1].

- *Cư trần lạc đạo phú, Đắc thú lâm tuyền thành đạo ca, Hoa yên tự phú, Giáo tử phú* (gọi tắt là *Bốn bài phú đời trần*) [2].

- *Thiên tông khoá hư ngữ lục* (gọi tắt: *Khóa hư lục*; niên đại khoảng cuối thế kỉ XIV) [3].

- *Truyền kì mạn lục giải âm* (gọi tắt *Truyền kì mạn lục*; niên đại khoảng thế kỉ XIV) [4].

- *Thiên Nam ngữ lục*; niên đại khoảng cuối thế kỉ XVII [5].

- *Thiên tông bản hạnh*; niên đại khoảng cuối thế kỉ XVII [6].

2. Kết quả khảo sát

2.1. Số liệu về các dạng lập từ thu được trong các nguồn ngữ liệu.

Vì đối tượng khảo sát, phân tích là những dạng lập từ như: *bất bất, bồi bồi, chón chón, đấng đấng, mơ mơ, mù mù, lấp lấp, ngát ngát, nồng nồng, sát sát, thăm thăm, thoắt thoắt...* nên chúng tôi sẽ không quan tâm đến:

a) Những trường hợp như: "*Con bướm bướm nhập nên chung thế giới chiêm bao*" [3, 70a].

b) Những dạng từ ngữ chỉ đơn thuần là để nhắc lại, liệt kê, hoặc có thể là sản phẩm của thủ pháp lập tu từ, thuộc phương cách tạo lập văn bản, trong đó có văn bản thơ ca (thí dụ như: "*Kính lễ Thánh Cả trả ơn nặng áng*

nạ; Kính lễ...; Kính lễ...; Kính lễ...; Kính lễ Mẹ Cả Thánh Là Ma Đa [1, 142]).

Sở dĩ như vậy là vì các dạng lặp như *đáng đáng* (< *đáng*), *chón chón* (< *chón*) trong những câu như: "Đáng đáng *chẳng thảo*..." [1, 171]; "...chón chón *đều oanh kêu lú lo bướm bay pháp phôi*" [3, 7b]... có ngữ nghĩa, ngữ pháp được tổ chức theo cách khác hẳn so với ngữ nghĩa, ngữ pháp của

dạng lặp như *kính lễ* và những từ láy như *bướm bướm*.

Với đối tượng được xác định như vậy, chúng tôi kiểm trong 6 nguồn ngữ liệu giới thiệu bên trên và thu được số liệu sau đây (số bên trái vạch ngang là số dạng lặp từ, số bên phải vạch ngang thể hiện số lần được sử dụng trong văn bản tương ứng):

Nguồn ngữ liệu	Số đơn vị lặp	Thí dụ
<i>Phật thuyết</i>	07 - 07	<i>bụi bụi, đáng đáng, rờng rờng...</i>
<i>Bốn bài phú đời Trần</i>	28 - 34	<i>ngạt ngắt, rõ rõ, vắng vắng...</i>
<i>Khoá hư lục</i>	64 - 103	<i>cành cành, chón chón, mù mù...</i>
<i>Truyện kì mạn lục giải âm</i>	71 - 129	<i>con con, cháu cháu, lịm lịm...</i>
<i>Thiên Nam ngữ lục</i> ¹	120 - 294	<i>dân dân, ngựa ngựa, có có, nói nói...</i>
<i>Thiền tông bản hạnh</i>	22 - 40	<i>đời đời, gia gia, xao xao, rân rân...</i>

Nếu phân tích theo từ loại thì trong các nguồn ngữ liệu được khảo sát, các dạng lặp từ được phân bố như sau (số bên trái vạch ngang là số dạng lặp từ, số bên phải vạch ngang thể hiện số lần được sử dụng trong văn bản tương ứng):

Nguồn ngữ liệu	Danh từ	Vị từ	Từ loại khác
<i>Phật thuyết</i>	2 - 2	2 - 2	3 - 3
<i>Bốn bài phú đời Trần</i>	0	26 - 32	2 - 2
<i>Khoá hư lục</i>	18 - 28	39 - 57	7 - 18
<i>Truyện kì mạn lục giải âm</i>	09 - 12	58 - 97	4 - 20
<i>Thiên Nam ngữ lục</i>	20 - 37	85 - 204	15 - 53
<i>Thiền tông bản hạnh</i>	5 - 9	13 - 20	4 - 11

Hai bảng số liệu trên đây cho thấy: trong các nguồn ngữ liệu được khảo sát, dạng lặp nhiều nhất và hay được dùng nhất là lặp vị từ (bao gồm

cả những từ tượng thanh miêu tả trạng thái động của sự vật như *ồ ồ, đành đành/ đành đành, oang oang, rách rách, xác xác...*), tiếp đó là dạng lặp

danh từ và cuối cùng là dạng lặp của các từ loại khác còn lại. Cụ thể là:

Về mặt số lượng, dạng lặp vị từ nhiều hơn dạng lặp danh từ tới khoảng hơn 4 lần (223/ 54) và nhiều hơn dạng lặp thuộc các từ loại khác khoảng 6,5 lần (223/ 34).

Về mặt tần số sử dụng, dạng lặp vị từ được dùng nhiều hơn dạng lặp danh từ gần 5 lần (412/ 88) và nhiều hơn dạng lặp thuộc các từ loại khác 4 lần (412/ 104).

Dưới đây là một số phân tích chi tiết.

2.2. Lặp danh từ

Các ngữ liệu được khảo sát cho thấy, lặp danh từ không nhiều như lặp vị từ. Trong 4 nguồn được khảo sát nêu trên, chúng tôi gặp những dạng lặp cụ thể như sau:

Ở *Phật thuyết*: 02 dạng: *bụi bụi, đáng đáng*

Ở *Khóa hư lục*: 18 dạng: *bụi bụi, bước bước, cành cành, chón chón, đọt đọt, dừa dừa, giờ giờ, kẻ kẻ, kiếp kiếp, ngày ngày, ngọn ngọn, người người, nhà nhà, phạt phạt, sớm sớm (D), tầng tầng, tổ tổ, vật vật.*

Ở *Truyện kì mạn lục*: 09 dạng: *cành cành, cháu cháu, con con (D), đêm đêm, kiếp kiếp, khoảnh khoảnh (D), lần lần (= trùng trùng (D)), mảy mảy, tầng tầng.*

Ở *Thiên Nam ngữ lục*: 20 dạng: *anh anh, bụi bụi, chú chú, dân dân, đêm đêm, đời đời, đồng đồng (cánh -), dòng dòng (- chữ), giây giây (- phút), kiếp kiếp, hàng hàng, năm năm, mảnh mảnh (tơ - -), ngựa ngựa, người người, nhà nhà, nơi nơi, tầng tầng, thuyền thuyền, voi voi.*

Ở *Thiên tông bản hạnh*: 05 dạng: *đời đời, gia gia, thế thế, sát sát, trần trần.*

Trong số các dạng lặp trên đây, nay chỉ có một số rất ít còn gặp được trong tiếng Việt hiện đại (mà cũng chỉ gặp chủ yếu ở một số lối nói hạn chế hoặc tương đối hạn chế nào đó) như: *chón chón, ngày ngày, đêm đêm, người người, nhà nhà, kiếp kiếp* (trong *đời đời kiếp kiếp*), *tầng tầng* (trong *tầng tầng lớp lớp*). Còn những dạng lặp như: *bụi bụi (D), bước bước, cành cành, cháu cháu, con con (D), đáng đáng, khoảnh khoảnh (D), ngọn ngọn, phạt phạt, tổ tổ, vật vật, voi voi, ngựa ngựa...* về cơ bản, có thể nói là hoàn toàn không còn được cấu tạo và sử dụng nữa.

Thực tế ngữ liệu khảo sát được cho thấy rằng các dạng lặp danh từ ở đây có ba điểm chung:

- Tất cả đều có đơn vị (từ) gốc đơn tiết cùng tồn tại song song để đối chiếu so sánh.

- Về mặt hình thức và cơ chế cấu tạo, tất cả đều chỉ đơn giản là nhân đôi từ gốc đơn tiết ban đầu, theo phương cách cấu tạo từ láy hoàn toàn - nhân đôi âm tiết - của tiếng Việt. Thí dụ:

bụi - bụi bụi, bước - bước bước, chón - chón chón, cháu - cháu cháu, đêm - đêm đêm, giờ - giờ giờ, kiếp - kiếp kiếp, nhà - nhà nhà, tầng - tầng tầng...

Nếu so sánh các dạng lặp này với các từ láy như: *cào cào, ba ba, chuồn chuồn, bướm bướm, nòng nọc...* thì thấy rõ ràng là hình thức cấu tạo của hai bên chỉ là một.

- Về mặt nghĩa, nét chung phổ biến và rõ rệt nhất là: so với dạng gốc

(từ đơn) thì dạng lặp biểu thị nghĩa "nhiều, tất cả/ toàn thể". Có thể khẳng định: dạng lặp ở đây là để biểu thị ý nghĩa ngữ pháp số nhiều.

Thí dụ: *bụi - bụi bụi, bước - bước bước, cành - cành cành, chón - chón chón, cháu - cháu cháu, con (D) - con con, đáng - đáng đáng, đêm - đêm đêm, kiếp - kiếp kiếp, ngọn - ngọn ngọn, nhà - nhà nhà, tàng - tàng tàng, phật - phật phật, thuyền - thuyền thuyền, tổ - tổ tổ, vật - vật vật, voi - voi voi, ngựa - ngựa ngựa...*

Có thể kiểm chứng điều nêu trên đây qua một số ngữ cảnh cụ thể sau:

(1) Đáng đáng *chẳng thảo...*

[1, 171]

(2) (...) dao dao *bằng người óm nặng, ngày ngày tựa mỗi một...*

[1, 151]

(3) *Vật vờ đang con lóc khi bụi bụi bay.*

[3, 12b]

(4) Cành cành, ngọn ngọn *dâng cúng trước mặt Bụt.*

[3, 33b]

(5) (...) kẻ kẻ *bèn siêng năng mà tu thân.*

[3, 34a]

(6) ...cành cành *đỏ như lửa hầu cháy.*

[4, 172]

(7) *Giòng thứ cả thịnh con con cháu cháu.*

[4, 347]

(8) *Di thành binh kẻ ngàn ngàn bộ bộ thuyền thuyền ngựa ngựa voi voi.*

[5, câu 4924]

(9) *Đồng đồng thây bỏ chạt đồng đưa co như đế đưa xông như cò.*

[5, câu 2495]

(10) *Gia gia ngưỡng chúc thánh minh cửu trường.*

[6, 52]

(11) *Trần trần sát sát Như lai.*

[6, 56]

(12) *Thế thế thích tử tu hành.*

[6, 89]

2.3. Lặp vị từ

1) Dạng lặp của vị từ trong các nguồn ngữ liệu mà chúng tôi khảo sát, như trên đã trình bày, được sử dụng nhiều hơn rất nhiều so với lặp danh từ và lặp ở các từ loại khác. Nếu phân biệt hai loại: loại A là những dạng lặp hiện nay có đơn vị gốc rõ ràng để đối chiếu, loại B là những dạng lặp hiện nay đơn vị gốc để đối chiếu không có hoặc không được thật rõ (vì đơn vị gốc - từ đơn - đó, không hoặc hầu như không còn được dùng nữa, hoặc đã hoàn toàn bị mờ nghĩa...) thì kết quả như sau²:

Loại A:

- Trong *Phật thuyết*: 01 trường hợp: *dòng dòng (ròng ròng)*

- Trong bốn bài phú đời Trần: 17 trường hợp. Thí dụ: *dành dành (đành đành), dùng dùng, ha hả, lâu lâu, lẽ lẽ, ngạt ngạt, nhẹ nhẹ, quang quang, rõ rõ, thên thên, trùng trùng, trùng trùng, úa úa, vặc vặc, vắng vắng, vui vui, xanh xanh.*

- Trong *Khóa hư lục*: 32 trường hợp. Thí dụ: *bạc bạc, bật bật, bờ bờ, chói chói, đảo đảo, dấy dấy, đỏ đỏ,*

đùn đùn, lộng lộng, lụng lụng, mịt mịt, mờ mờ, lấp lấp, nong nong, phảy phảy, quay quay, rân rân, rõ rõ, sáng sáng, thăm thăm, thôi thôi, thúc thúc...

- Trong *Truyện kì mạn lục*: 35 trường hợp. Thí dụ: *bời bời, bần bật, dịu dịu, dung dung/ dửng dưng, đùn đùn, khoan khoan, lâu lâu, mọn mọn, mờ mờ, ngại ngại, rông rông, sát sát, thăm thăm, thoát thoát, vắng vắng, vấn vấn...*

- Trong *Thiên Nam ngữ lục*: 58 trường hợp. Thí dụ: *có có, đàn đàn, chóng chóng, đầy đầy, đùn đùn, hiu hiu, lạt lạt, lè lè, mau mau, mờ mờ, mọn mọn, ngu ngu, thừa thừa, vện vện, xa xa, xiêu xiêu...*

Trong *Thiên tông bản hạnh*: 08 trường hợp. Thí dụ: *dung dung, đùng đùng, lâu lâu, phức phức, rân rân, rập rập, rông rông, trùng trùng.*

Loại B:

- Trong *Phật thuyết*: 01 trường hợp: *dao dao.*

- Trong bốn bài phú đời Trần: 9 trường hợp. Thí dụ: *cắm cắm, dòn dòn, hắt hắt, hiu hiu, lỏa lỏa, mục mục, túc túc, võ võ, xóc xóc.*

- Trong *Khóa hư lục*: 7 trường hợp. Thí dụ: *cạy cạy, chắm chắm, đặng đặng, đầu đầu, hấy hấy, vanh vanh, vánh vánh.*

- Trong *Truyện kì mạn lục*: 23 trường hợp. Thí dụ: *cạy cạy, cắm cắm, chần chần, chới chới, đầu đầu, dòn dòn, dôi dôi, diễn diễn, đầu đầu, khẩn khẩn, lẫm lẫm, liêm liêm, nạp nạp, ngùi ngùi, ngộn ngộn, thẳng thẳng, thố thố, vện vện, võ võ.*

Trong *Thiên Nam ngữ lục*: 27 trường hợp. Thí dụ: *bo bo, chan chan,*

dà dà, dề dề, doanh doanh, lẫm lẫm, lằng lằng, nhơn nhơn, xưng xưng...

Trong *Thiên tông bản hạnh*: 5 trường hợp. Thí dụ: *đường đường, khẩn khẩn, vặc vặc, xao xao, dành dành.*

2) Về mặt nghĩa, có hai điều đáng chú ý ở các dạng lặp vị từ là:

- Thứ nhất, trong rất nhiều trường hợp nét nghĩa +[lặp đi lặp lại có chu kì và kéo dài] (của trạng thái, sự tình...) hiện diện rất rõ ràng. Ngay cả những trường hợp mà hiện nay được coi là biểu thị giảm mức độ hoặc sự không hoàn toàn rõ ràng của trạng thái, hành động, thì tại các nguồn ngữ liệu được khảo sát, căn cứ vào từng ngữ cảnh cụ thể để phân tích, tình hình có thể không hẳn vậy. Tại các ngữ cảnh đó, dù lấy cái nhìn ngày nay để đánh giá, cũng phải thấy rằng hầu hết các dạng lặp đó vẫn dùng để biểu thị mức độ tăng (cao) của trạng thái, hành động (được biểu thị ở đơn vị gốc). Thí dụ:

(13) ...*nạn sinh đương hầu đến dao dao bằng người ốm nặng...*

[1, 151]

(14) *Đường âm mục đen đen mà nẻo khôn thông biết.*

[3, 75b]

(15) *Đường trong thế gian hãy còn mờ mờ những các chúng sinh yên lặng bật bật.*

[3, 70b]

(16) ...*mịt mịt mờ mờ chẳng biết thừa đường về đâu.*

[3, 18b]

- Thứ hai, tuy nhiên, vẫn phải thấy trường hợp lặp biểu thị giảm mức

độ, cường độ của trạng thái, hành động cũng không phải là không thấy (mặc dù đôi khi cũng có trường hợp khó khăn định chắc chắn). Thí dụ:

(17) *Nương am vắng bụt hiện từ bi gió huu huu mây nhẹ nhẹ.*

[2, 135]

(18) *Cỏ chiều gió lướt dọn vui vui.*

[2, 134]

(19) *...trăng vặc vặc núi xanh xanh.*

[2, 136]

(20) *Dầu là đỏ đỏ, bạc bạc chó còn mờ mờ.*

[3, 18a]

(21) *...gà gáy vắng vắng ở ngọn trúc đỉnh núi.*

[4, 268]

(22) *...dần một người đẹp dần dần, dịu dịu bởi phương Đông mà lại.*

[4, 149]

Như vậy, có thể nói, có hai xu hướng biểu nghĩa trong các dạng lặp đang được nói đến ở đây là xu hướng biểu thị mức độ tăng và xu thế biểu thị mức độ giảm. Sự biểu thị mức độ tăng hay giảm của trạng thái, hành động, không phải là một xu hướng có tính toàn thể và đều đặn; mà tùy nghi ở từng trường hợp cụ thể. Tuy nhiên, xem xét cụ thể thì chúng tôi thấy trong các nguồn ngữ liệu được khảo sát, xu hướng biểu thị mức độ tăng của trạng thái, sự tình là xu hướng áp đảo. Cụ thể là:

Nguồn ngữ liệu	Vị từ biểu thị mức độ tăng	Vị từ biểu thị mức độ giảm
<i>Phật thuyết</i>	2/ 2	0/ 2
<i>Bốn bài phú đời Trần</i>	20/ 26	6/ 26
<i>Khoá hư lục</i>	34/ 39	5/ 39
<i>Truyện kì mạn lục giải âm</i>	48/ 58	10/ 58
<i>Thiên Nam ngữ lục</i>	69/ 85 (01 trường hợp không xác định tăng/giảm: <i>song song</i>)	16/ 85
<i>Thiền tông bản hạnh</i>	13/ 13	0/ 13

(Tuy nhiên, khi nào lặp biểu thị mức độ tăng và khi nào lặp biểu thị mức độ giảm của trạng thái, sự tình... sẽ phải được nghiên cứu riêng, chúng tôi chưa có điều kiện để trình bày ở đây).

2.4. Dạng lặp ở các từ loại khác (đại từ, phó từ, số từ...)

- Trong *Phật thuyết* có: *ai ai, dần dần, một một.*

- Trong *bốn bài phú đời Trần* có: *thay thay, vắn vắn* (vắn = vắn)

- Trong *Khoá hư lục* có: *ba ba* (một vài - vài ba; *ba* = vài), *dần dần, song song* (đôi, một vài; *song* = 2), *ai ai, hằng hằng, thay thay.*

- Trong *Truyện kì mạn lục* có: *dần dần, lần lần* (= *dần dần*), *hằng hằng, thấy thấy*.

- Trong *Thiên Nam ngữ lục* có: *ai ai, chi chi, dần dần, đâu đâu, đường đường, không không, lần lần (dần dần), phó phó, thấy thấy, thường thường, muôn muôn (vạn), ngàn ngàn (nghìn), vàn vàn (vạn), vãn vãn*.

- Trong *Thiên tông bản hạnh* có: *ai ai, như như, thiên thiên (nghìn), vàn vàn (vạn)*.

2.4.1. Các dạng lặp ở đây được tạo lập từ những từ gốc là đại từ nghi vấn, đại từ chỉ định, số từ, lượng từ và phó từ. Các dạng lặp của đại từ (*ai, thấy, phó*), phó từ (*hằng, một, khôn [không/ khó có thể]*), số từ biểu thị ý nghĩa "nhiều" (*muôn, vạn, nghìn, thiên*) có xu hướng biến đổi chung là biểu thị ý nghĩa "nhiều, toàn thể" (của người, vật ...) hoặc "mức độ tăng" (của trạng thái, sự tình). Thí dụ:

(23) ...*mắng Bụt thừa thốt ai ai phát nguyện rằng...*

[1, 162]

(24) *Ai ai đều dưng mãnh xem xét trong mình...*

[3, 34a]

(25) ...*một một (nhất thiết chỉ một lòng) thương đầu nguyện cho Bụt đầu xót.*

[1, 174]

(26) ...*nói đà như đường ấy chín thực khôn khôn (không/ khó có thể) vậy.*

[3, 17b]

(27) *Khôn chuyển thân, khôn về đầu hằng hằng đều trôi dạt chung chốn bể khó.*

[3, 6a]

(28) *Trời hầu sáng, thấy thấy tản đi.*

[4, 115]

(29) *Mặt thánh lòng phàm thật cách nhân vạn vạn (vàn vàn) thiên lí.*

[2, 125]

Tuy nhiên, đây cũng không phải là một xu hướng triệt để và đều đặn, mà có tính tùy nghi ở từng trường hợp cụ thể. Trong trường hợp dưới đây chẳng hạn, dạng lặp *ba ba* của *ba* (*vài ba*), dạng lặp *song song* của *song* (*vài*) không thể hiện mức độ tăng của trạng thái "ít" do *ba* và *song* biểu thị: "Hợp *ba ba* (*vài ba*) những giống bạn rượu chè kết *song song* (*vài*) phó đoàn hoa nguyệt" [3, 41b].

2.4.2. Thực tế ngữ liệu cho thấy, nhiều khi, việc lặp từ để tạo ra dạng lặp ở đây hình như không chỉ hoàn toàn nhằm mục đích biểu hiện ý nghĩa, mà còn nhằm cả vào mục đích ngữ dụng, biểu thị thái độ của chủ thể phát ngôn nhấn mạnh mức độ cao của trạng thái, sự tình được đánh giá. Thí dụ:

(30) *Kính áng nạ thờ kẻ già ra lòng tin tới lễ Bụt một một (nhất thiết chỉ một lòng) thương đầu nguyện cho Bụt đầu xót (một = chỉ, chỉ toàn là).*

[1, 174]

(31) *Khôn chuyển thân khôn về đầu hằng hằng đều trôi dạt chung chốn bể khó (hằng = thường).*

[3, 6a]

(32) *Tuy rằng, nói đà như đường ấy chín thực khôn khôn (khôn = không thể, khó có thể) vậy (khôn = không/ khó có thể).*

[3, 17b]

(33) *Mặt thánh lòng phàm thật cách nhẵn vạn vạn (vàn vàn) thiên lí (vàn = vàn).*

[2, 125]

Có lẽ những lối nói đôi khi được sử dụng trong tiếng Việt ngày nay như: *rất rất vui, rất rất khó khăn, hàng ngàn hàng ngàn người...* đã phỏng theo mô thức lặp từ nêu trên, một mô thức vốn đã tồn tại và hoạt động từ thời xưa trước.

3. Nhận xét, thảo luận

3.1. Cơ chế lặp để tạo ra các dạng lặp từ, thực ra, đã được đề cập trong nhiều công trình nghiên cứu về Việt ngữ. Tuy nhiên, còn có một điểm hữu quan của vấn đề này chưa được quan tâm đầy đủ là phải đặt nó trong bối cảnh tiếp xúc Hán - Việt để xem xét. Khi so sánh những dạng lặp khảo sát được ở đây với nguồn ngữ liệu Hán Việt tương ứng, chúng tôi thấy có một tình hình rất đặc biệt như sau:

3.1.1. Bên cạnh những dạng lặp của Việt không có dạng lặp tương ứng bên Hán văn như *có có, đặc đặc, dịu dịu, đùn đùn, đùng đùng, ha ha, làu*

làu, lịm lịm, lộng lộng, lụng lụng, mênh mênh, mọn mọn, một một, nhẹ nhẹ, nói nói, rả rả, rầm rầm, rân rân, ròng ròng (dòng dòng), rờ rờ, sớm sớm, thấy thấy, thênh thênh, trừng trừng, úa úa, vặc vặc..., có những dạng lặp mà hai bên, cả Hán lẫn Việt, tương ứng với nhau một cách kì lạ.

Trong một số bản giải âm (dịch) từ Hán văn sang tiếng Việt (ghi bằng chữ Nôm), nhiều khi, để thể hiện trung thành những dạng lặp từ và ý nghĩa tương ứng của chúng trong Hán văn, tiếng Việt xưa đã tìm tòi, sáng tạo và sử dụng những dạng lặp tương đương có sự tương ứng rất chặt chẽ. Điều này có lẽ có cơ sở rất đáng kể ở những tương đồng về đặc điểm loại hình, về các đặc điểm cấu trúc hình thái của từ giữa hai ngôn ngữ. Sơ bộ đối chiếu giữa bản Hán văn *Thiền tông khóa hư ngữ lục* của Trần Thái Tông với bản “giải nghĩa” Nôm tương ứng của Tuệ Tĩnh (cuối thế kỉ XIV) [3] để làm thí dụ, chúng tôi thấy trong bản giải nghĩa Nôm có những dạng lặp từ được dùng để đối dịch những từ ngữ Hán văn cũng là dạng lặp như sau:

Dạng lặp bên văn bản Nôm	Dạng lặp bên Hán văn	Dạng lặp bên văn bản Nôm	Dạng lặp bên Hán văn
<i>ba ba (vài ba)</i>	<i>tam tam</i>	<i>bời bời</i>	<i>thảm thảm</i>
<i>chăm chăm</i>	<i>nhiều nhiều</i>	<i>chói chói</i>	<i>chước chước</i>
<i>chón chón</i>	<i>đầu đầu</i>	<i>chón chón</i>	<i>xứ xứ</i>
<i>đào đào</i>	<i>dịch dịch</i>	<i>đầu đầu</i>	<i>lục lục</i>
<i>đầu đầu</i>	<i>cốt cốt</i>	<i>dầy dầy (đầy)</i>	<i>thao thao</i>
<i>giờ giờ</i>	<i>thời thời</i>	<i>hằng hằng</i>	<i>vãng vãng</i>
<i>kẻ kẻ</i>	<i>cá cá</i>	<i>lấp lấp</i>	<i>ản ản</i>

<i>mật mật</i>	<i>nhiều nhiều</i>	<i>mật mật</i>	<i>mông mông</i>
<i>mật mật</i>	<i>hôn hôn</i>	<i>mơ mơ</i>	<i>manh manh</i>
<i>mờ mờ</i>	<i>mang mang</i>	<i>mờ mờ</i>	<i>hôn hôn</i>
<i>ngắt ngắt</i>	<i>thảm thảm</i>	<i>phảy phảy</i>	<i>té té</i>
<i>quay quay</i>	<i>ba ba</i>	<i>rỡ rỡ</i>	<i>huy huy</i>
<i>song song</i>	<i>lưỡng lưỡng</i>	<i>thôi thôi</i>	<i>dịch dịch</i>
<i>thúc thúc</i>	<i>thông thông</i>	<i>vanh vanh</i>	<i>nhiều nhiều</i>

3.1.2. Trong các nguồn ngữ liệu được khảo sát, có một số dạng lặp từ được vay mượn hoàn toàn từ nguyên gốc Hán văn (có thể có biến đổi ít nhiều ở mặt ngữ âm theo quy luật chung trong cấu tạo dạng lặp và từ láy hoàn toàn của Việt). Thí dụ như: *quang quang* (*sáng*) [2]; *úc úc* (*(thơm) phung phức*), *đăng đăng*, *hằng hằng*, *song song*, *vạn vạn*... [3]; *điệp điệp*, *đường đường*, *lầm lầm*, *minh minh*, *oanh oanh*, *song song*... [5]; *gia gia*, *thế thế*, *sát sát*, *trần trần*, *trùng trùng*, *thiên thiên*, *vạn vạn*... [6].

Dưới đây là một số ngữ liệu cụ thể:

(34) *Niềm lòng vặc vặc; giác tính quang quang.*

[2, 128]

(35) ... *năm phần hương úc úc trong sạch.*

[3, 48a]

(36) ... *kết song song (vài) phô đoàn hoa nguyệt.*

[3, 41b]

(37) *Đăng đăng sông Ngân Hán hằng ngang sao Sâm Đẩu.*

[3, 62b]

(38) ... *hằng hằng đều trôi dạt chung chón bể khó.*

[3, 6a]

(39) *Sáng công Thái tổ minh minh...*

[5, câu 7971]

(40) *Uy linh lằm lằm thu sương...*

[5, câu 4811]

(41) *Oanh oanh chiến trận, đường đường thiên uy.*

[5, câu 720]

(42) *Gia gia ngưỡng chúc thánh minh cứu trường.*

[6, câu 8]

(43) *Thế thế thích tử tu hành.*

[6, câu 667]

(44) *Người ta đắc đạo thiên thiên, vàn vàn.*

[6, câu 704]

3.1.3. Bên cạnh những dạng lặp vay mượn từ nguyên gốc Hán văn như thế, lại cũng có những trường hợp Việt ngữ vay mượn từ đơn Hán Việt rồi tạo dạng lặp theo kiểu Việt. Thí dụ: *đảo đảo* (<đảo), *khuynh khuynh* (<khuynh), *thân thân* (<thân), *dân dân* (<dân), *vấn vấn* (<vấn), *bộ bộ* (<bộ), *thuyền thuyền* (<thuyền)... Xin quan sát một số ngữ liệu cụ thể như:

(45) ... lại nói sự chiêm bao là quay quay đảo đảo thôi thôi thúc thúc.

[3, 13b]

(46) Lòng nguyệt hoa ấy bỗng liền khuynh khuynh.

[5, câu 3768]

(47) Thân thân nghĩa chẳng phai lòng.

[5, câu 3475]

(48) Người Nhuận Chi ắt thừa lấy châu chi mà vẫn vẫn đường ấy.

[4, 312]

(49) Dân dân vô sự nhà nhà bình yên.

[5, câu 2174]

(50) Di thành binh kẻ ngàn ngàn bộ bộ, thuyền thuyền ngựa ngựa voi voi.

[5, câu 4924]

3.1.4. Cũng có khi dạng lặp được tạo lập theo kiểu “căn ke” từ ngữ Hán văn, đúng theo phương cách “giải âm” và giảng sách quen thuộc trong việc giảng dạy Hán văn thời xưa ở Việt Nam. So sánh:

- Trong *Phật thuyết*: một một được dùng để dịch dạng lặp nhất nhất.

- Trong *Thiền tông khóa hư ngữ lục*, chúng tôi thấy ba ba (= vài ba) được dùng để dịch dạng lặp tam tam của Hán văn; song song (= vài, đôi; cũng là từ ngữ gốc Hán nhưng đã quen dùng) được sử dụng để dịch dạng lưỡng lưỡng của Hán văn (chưa quen dùng).
Thí dụ:

(51) Kính ánh nạ thờ kẻ già ra lòng tin tới lễ But một một (nhất thiết

chỉ một lòng) thương đầu nguyện cho But đầu xót.

[1, 174]

(52) Họp ba ba (vài ba) những giống bạn rượu chè kết song song (vài) phô đoàn hoa nguyệt.

[3, 41b]

(53) ... chồn chồn (xít xít) đều oanh kêu lú lo bươm bay phấp phới.

[3, 7b]

(54) Là trong mình thì mù mù mờ mờ (hôn hôn, mang mang).

[3, 6a]

(55) Rỡ rỡ (huy huy) chói chói sáng khắp chung điện ngọc (...).

[3, 40a]

Như vậy, câu trả lời cho câu hỏi: “Phép lặp để tạo nên những dạng lặp từ, thể hiện những ý nghĩa từ vựng và ngữ pháp như trên đây xuất phát từ đâu?” vẫn còn phải tiếp tục được tìm tòi.

Các dạng lặp đó, trước hết, có thể xuất phát từ chính bản thân tiếng Việt, nhưng cũng có thể được tiếp thu, vay mượn từ tiếng Hán hoặc được tạo lập, phỏng “theo gợi ý” từ tiếng Hán qua sự tiếp xúc với Hán ngữ rồi cùng tụ hội trong tiếng Việt. Tất nhiên, trong số đó, vẫn có những trường hợp, việc xác quyết nguồn gốc của chúng xuất phát từ Hán hay Việt hiện vẫn đang còn rất khó khăn. Thí dụ:

(56) Bằng đường ấy thỏ thỏ chín khá bày sát sát.

[4, 367]

(57) ...dẫn một người trai mình vóc cực lớn mũ đỏ mặt sắt râu ria đường con bác tới trong sân nập nập.

[4, 149]

3.2. Các dạng lặp từ được khảo sát và trình bày trên đây, như đã phân tích, chắc chắn không chỉ đơn giản là kết quả của phép lặp thuộc về thể cách diễn đạt. Chúng có vai trò biểu hiện ngữ nghĩa, ngữ pháp và ngữ dụng.

3.2.1. Về mặt ngữ nghĩa, chúng ta thấy rất rõ rằng các dạng lặp đó đều có chứa một hoặc hai trong số ba nét nghĩa sau đây.

a. +[nhiều/ tất cả/ toàn thể] (các sự vật, hiện tượng...)

Thí dụ:

(58) Đàng đàng *chẳng thảo*; *áy bởi nghệ dạ mà ra*.

[1, 171]

(59) Cành cành ngọn ngọn *dâng cúng trước mặt Bụt*.

[3, 33b]

b. +[lặp đi lặp lại có chu kì và kéo dài] (của trạng thái, sự tình...). Thí dụ:

(60) ...*lại nói sự chiêm bao là quay quay đảo đảo thôi thôi thúc thúc*.

[3, 13b]

c. +[mức độ cao/ thấp] hoặc +[cường độ mạnh/ yếu] (của trạng thái, sự tình, số lượng...). Thí dụ:

(61) Mờ mờ, thăm thăm *bằng sa chung cõi tối tăm...*

[4, 207]

3.2.2. Nét nghĩa + [nhiều/ tất cả/ toàn thể] (các sự vật hiện tượng ...) trên đây là nét nghĩa phổ biến và được thể hiện đều đặn ở các dạng lặp danh từ cũng như dạng lặp đại từ và một số dạng lặp số từ (khi số từ gốc vốn biểu thị ý nghĩa "nhiều").

Về mặt ngữ dụng, có khi các dạng lặp này thể hiện sự đánh giá, nhấn mạnh tuyệt đối của chủ thể phát ngôn đối với sự vật/ sự việc được biểu thị ở từ gốc đơn tiết. So sánh:

bụi bụi, đàng đàng, bước bước, cành cành, chón chón, đọt đọt, đĩa đĩa, kẻ kẻ, kiếp kiếp, ngày ngày, ngọn ngọn, người người, nhà nhà, phạt phạt, tầng tầng, tổ tổ, vật vật, cháu cháu, con con (D), dân dân, đêm đêm, khoảnh khoảnh, máy máy, tầng tầng, ai ai, thấy thấy, thiên thiên, vạn vạn...

Quan sát một số ngữ cảnh cụ thể trong các nguồn ngữ liệu được khảo sát, chúng ta có thể thấy rất rõ nội dung ngữ nghĩa, ngữ dụng nêu trên.

(62) Đàng đàng *chẳng thảo áy bởi nghệ dạ mà ra*.

[1, 171]

(63) Cành cành ngọn ngọn *dâng cúng trước mặt Bụt*.

[3, 33b]

(64) *Giòng thứ cả thịnh con con cháu cháu*.

[4, 347]

(65) ... *mắng Bụt thừa thốt, ai ai phát nguyện rằng...*

[1, 162]

(66) *Trời hầu sáng thấy thấy tản đi*.

[4, 115]

(67) *Ai ai đều dững mãnh xem xét trong mình kẻ kẻ bèn siêng năng mà tu thân*.

[3, 34a]

(68) *Mặt thánh lòng phàm thật cách nhân vạn vạn (vạn vạn) thiên lí*.

[2, 125]

(69) *Người ta đắc đạo thiên thiên
vàn vàn.*

[6, câu 704]

3.2.3. Nét nghĩa +[lặp đi lặp lại
có chu kỳ và kéo dài] (của trạng thái,
sự tình...) là nét nghĩa phổ biến ở các
dạng lặp vị từ và một số phó từ (*hằng
hằng, một một, khôn khôn*). Thí dụ:

*bật bật, bời bời, chăm chăm, chăm
chăm, chói chói, dặc dặc, dậu dậu, dần
dần, dầy dầy, dưng dưng/ dửng dửng,
đảo đảo, đùn đùn, đùng đùng, há há,
hằng hằng, khoan khoan, khôn khôn,
làu làu, lẩn lẩn (= trùng trùng), lấp
lấp, lẻ lẻ, lịm lịm, lộng lộng, lụng lụng,
mênh mênh, mịt mịt, mọn mọn, một
một, mờ mờ, mơ mơ, mù mù, ngại ngại,
ngạt ngắt, ngắt ngắt, nhẹ nhẹ, nồng
nồng, phẩy phẩy, quay quay, quang
quang, rả rả, râm râm, rân rân, ròng
ròng (dòng dòng), rờ rờ, sáng sáng,
sớm sớm, thay thay, thăm thăm, thênh
thênh, thôi thôi, thúc thúc, trùng trùng,
trùng trùng, úa úa, vặc vặc...*

Có thể kiểm chứng nội dung ngữ
nghĩa nêu trên qua một số ngữ cảnh
như sau:

(70) ... *dao dao bằng người óm
nặng ngày ngày tựa mỗi mệ...*

[1, 151]

(71) ... *lại nói sự chiêm bao là quay
quay đảo đảo thôi thôi thúc thúc.*

[3, 13b]

(72) ... *mịt mịt mờ mờ chẳng biết
thừa đường về đâu.*

[3, 18b]

(73) *Lộng lộng trên đầu hằng đội
trời cao thăm thăm.*

[3, 26a]

(74) ... *ngày ngày hằng đầu đầu
trong việc thế gian sớm sớm hằng mờ
mờ chung trong lưới nghiệp.*

[3, 21b]

(75) *Chung lòng thật mọn mọn
chẳng bởi đâu được thông.*

[4, 194]

(76) *Cỏ sân sát sát lại giải mặt
trời xé.*

[4, 309]

(77) ...*dâng cờ phươn chung té
rật rật chẳng dứt.*

[4, 289]

3.2.4. Nét nghĩa +[mức độ cao/
thấp hoặc cường độ mạnh/ yếu] (của
trạng thái, sự tình...) được thể hiện
không đều đặn và nhất quán ở tất cả
các dạng lặp vị từ, mà tùy từng trường
hợp cụ thể.

Chúng có thể biểu thị mức độ cao/
cường độ mạnh của trạng thái, sự tình...
như trong các ngữ cảnh:

(78) *Lộng lộng trên đầu hằng đội
trời cao thăm thăm.*

[3, 26a]

(79) ...*chảy nước mắt ròng ròng
kêu khóc mắt sưng...*

[1, 167]

(80) ...*sa xuống dưới đất mịt mịt
mờ mờ chẳng biết thừa đường về đâu.*

[3, 18b]

(81) ...*ngày ngày hằng đầu đầu
trong việc thế gian sớm sớm hằng mờ
mờ chung trong lưới nghiệp.*

[3, 21b]

Nhưng cũng có thể biểu thị mức
độ thấp/ cường độ yếu của trạng thái,
sự tình... như trong các ngữ cảnh³:

(82) *Dầu là đồ đồ bạc bạc chớ còn mờ mịn.*

[3, 18a]

(83) *Xây máng gà gáy vắng vắng ở ngọn trúc đỉnh núi.*

[4, 268]

(84) *Xuân vắng vắng xây khoa khi mộng rôi.*

[4, 269]

(85) ... *dẫn một người đẹp diễn diễn diệu diệu bởi phương Đông mà lại.*

[4, 149]

(86) *Nương am vắng bụt hiện từ bi gió huu huu mây nhẹ nhẹ.*

[2, 135]

(87) *Cỏ chiều gió lướt dọn vui vui.*

[2, 134]

(88) ... *trăng vặc vặc núi xanh xanh.*

[2, 136]

3.3. Như vậy, khi cấu tạo các dạng lặp của từ như trên đây, hiệu quả ngữ nghĩa đều đặn do phép lặp đem lại là sự biểu thị các nét nghĩa:

a. +[*nhiều/ tất cả/ toàn thể*] (các sự vật hiện tượng...) (ở dạng lặp danh từ, lặp đại từ và một số dạng lặp số từ khi số từ gốc vốn biểu thị ý nghĩa *nhiều*).

b. +[*lặp đi lặp lại có chu kì và kéo dài*] của trạng thái, sự tình... (ở dạng lặp vị từ và một số phó từ).

Có thể nói đây là hai nét nghĩa khái quát, thường trực của dạng lặp danh từ và vị từ.

Riêng nét nghĩa c. +[*mức độ cao/ thấp hoặc cường độ mạnh/ yếu*] (của trạng thái, sự tình...) được thể hiện

không nhất quán ở tất cả các dạng lặp vị từ mà tùy từng trường hợp cụ thể, thì cần được coi là nét nghĩa cụ thể của từng từ. Ngoài ra, còn có một điểm quan trọng nữa là: nếu phân tích cơ cấu nghĩa của các dạng lặp này thì phải thấy nét nghĩa c) nằm trong cơ cấu nghĩa từ vựng của chúng, bởi vì mức độ cao hay thấp, tăng hay giảm, cường độ mạnh hay yếu của trạng thái, hành động được biểu thị sẽ được phân tích, miêu tả khác nhau, tùy thuộc vào từng từ riêng biệt.

3.4. Những ngữ liệu sơ bộ khảo sát được và trình bày trên đây cho thấy: trong tiếng Việt cổ và trung đại có hiện tượng lặp từ hoạt động với tư cách một phương thức ngữ pháp để thể hiện ý nghĩa “*số nhiều*” (của người, vật, sự vật... do danh từ biểu thị) và ý nghĩa “*lặp đi lặp lại có chu kì, kéo dài*” của trạng thái, sự tình (do vị từ biểu thị). Những dạng lặp như: *non non, nước nước, mây mây, tình tình, năm năm, tháng tháng...* hoặc: *người người, ngành ngành, nhà nhà, đêm đêm, ngày ngày, đau đau, dùng dùng, lòng lòng, ngại ngại...* thời tiếng Việt cận đại và hiện đang được sử dụng trong tiếng Việt ngày nay, có lẽ chính là kết quả đã được tạo lập từ xưa, hoặc là kết quả mới được tạo lập theo chính phương thức lặp đó. Những trường hợp mà nay ta thường dễ đồng ý với nhau coi là “*từ láy*” như: *cuộn cuộn, đâm đâm, điệp điệp, phau phau, song song, trùng trùng, vặc vặc, vắng (vãng) vắng, vạnh (vành) vạnh, thênh thênh, xưng xưng, dần dần, thay (thay) thay, thường thường...* trên thực tế, vốn đã hiện diện rất nhiều trong các nguồn ngữ liệu thời tiếng Việt cổ, trung đại. Chúng chính là những sản phẩm được tạo nên muộn nhất cũng

là từ thời đó hoặc còn phải sớm hơn thế nữa rất nhiều.

Những nhận thức nêu trên đây không phải là hoàn toàn mới. Điều đáng nói là ở chỗ: đối với hiện tượng lặp từ và cơ chế lặp từ, có hai khía cạnh tế nhị cần được phân biệt: thứ nhất, nó là một phương thức ngữ pháp, tạo ra dạng lặp của từ để thể hiện ý nghĩa ngữ pháp; thứ hai, nó được coi là một trong những phương thức tạo từ, tạo nên những đơn vị từ vựng trước nay vẫn thường được gọi là từ láy hoàn toàn, đẳng cấu tuyệt đối với những đơn vị như: *cào cào, ba ba, châu chấu, chuồn chuồn, bướm bướm...*

Cho đến nay, chúng ta chưa có được bằng chứng chắc chắn để nói rằng, tiếng Việt có các đơn vị (từ) gốc đơn tiết như: *ba, đa, cào, chấu, le, chuồn, bướm, bìm...* rồi từ các đơn vị ấy, theo cách lặp (láy) hoàn toàn mà tạo nên các từ *ba ba, đa đa, cào cào, châu chấu, le le, chuồn chuồn, bướm bướm, bìm bìm...* tương ứng. Vì vậy, mặc dù tiếng Việt hiện nay vẫn có những “cặp đôi” như *le - le le, se - se se, ve - ve ve, chuồn - chuồn chuồn, bìm - bìm bìm, bướm - bướm bướm, tráo (sáo) - tráo tráo* (phương ngữ Nghệ An, Hà Tĩnh)... nhưng thật khó lòng xác quyết được: *le le, se se, ve ve, chuồn chuồn, bìm bìm, bướm bướm, tráo tráo...* là kết quả của quá trình lặp (láy/ nhân đôi) của *le, se, ve, chuồn, bìm, bướm, tráo...* hay ngược lại, *le, se, ve, chuồn, bìm, bướm, tráo...* là kết quả “nói tắt” của *le le, se se, ve ve, chuồn chuồn, bìm bìm, bướm bướm, tráo tráo...* mà thành.

Vì vậy, nhìn bề ngoài, tuy thấy hình thức là như nhau, nhưng rõ ràng

các dạng lặp (*cành cành, ngọn ngọn, phật phật, ngày ngày, giờ giờ...*) và các từ (*cào cào, ba ba, le le, chuồn chuồn...*) là những sản phẩm hoàn toàn không đồng chất, một đẳng là dạng lặp để biểu thị “số nhiều”, còn một đẳng thì hoàn toàn không phải vậy. Thế mà trước nay, khi bàn luận về phương thức lặp từ với tư cách là một phương thức ngữ pháp để thể hiện ý nghĩa ngữ pháp, có không ít trường hợp, việc minh định những khía cạnh khác biệt tế nhị này đã bị bỏ qua, hoặc ít nhất cũng đã được quan tâm không đầy đủ.

Trong tiến trình phát triển lịch sử của tiếng Việt, ở từng trường hợp cụ thể, giữa hai khía cạnh nêu trên có thể đã có những đặc điểm và/ hoặc những biến đổi đan xen vào nhau làm cho chúng ta ngày nay rất khó xử lí, khó nhận diện ra đâu là chân tướng của chúng. Thí dụ: những trường hợp như: *ai ai, dần dần, từ từ, thường thường, (bé) con con, nhất nhất, thay thay...*; và đặc biệt là những trường hợp khi tạo lập dạng lặp có kèm theo sự biến thanh, biến vần như: *chênh chéch, dưng dưng, vành vạnh, vắng vặc, bàng bạc, thin thít, san sát...* thì, với cách nhìn thuần đồng đại ngày nay, dường như người ta thường không ngần ngại gì khi nhất luật coi chúng là những “từ láy hoàn toàn”. Mà nếu nhất luật coi các trường hợp đó là từ láy thì hình như ở đây đã rõ là có sự “chuyển hoá” từ dạng lặp sang từ láy.

Những vấn đề nêu trên đây đều trực tiếp liên quan đến lí luận ngữ pháp học, và đã trở nên khá phức tạp, cần được tiếp tục phân tích kĩ trên nhiều nguồn ngữ liệu đầy đủ và rộng rãi hơn.

CHÚ THÍCH

¹ Số liệu về lặp từ trong văn bản này, chúng tôi dựa trên bảng từ do Bùi Duy Dương cung cấp để rút ra, xử lí và tính toán lại. Xin trân trọng cảm ơn.

² Trong tiếng Việt hiện đại, các dạng lặp từ và từ láy có thể có biến thanh và/hoặc biến vần. Tuy nhiên sự biến thanh, biến vần ấy không được thể hiện trên chữ Nôm và chúng xảy ra vào thời gian nào trong quá khứ, chúng ta chưa biết được một cách chắc chắn và nghiêm túc. Vì vậy, chúng tôi vẫn phục hiện và khảo sát chúng ở nguyên dạng như chữ Nôm ghi, không tính đến sự biến thanh, biến vần như trong tiếng Việt hiện nay.

³ Như trên chúng tôi đã trình bày, ngay cả những dạng lặp này, khi đặt trong ngữ cảnh cụ thể tại các nguồn ngữ liệu được khảo sát để xem xét thì thấy “sự biểu thị mức độ thấp/ cường độ yếu của trạng thái, hành động” không phải ở trường hợp nào, lúc nào cũng có thể khẳng định chắc chắn được. Ngoài những ngữ liệu dẫn ra ở đây, chúng ta có thể so sánh thêm dạng lặp xanh xanh trong văn bản Chinh phụ ngâm (thế kỉ XVIII): “Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy, Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu, Ngàn dâu xanh ngắt một màu, Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai”. Trong trường hợp này, rõ ràng không thể nói xanh xanh thì biểu thị mức độ giảm của xanh, còn xanh ngắt thì biểu thị mức độ tăng của xanh trong khi đang nói về cùng một đối tượng ngàn dâu. Rõ ràng xanh xanh chỉ biểu thị mức độ liên tiếp, liên tục, mở rộng, trải dài của sự tình xanh ghi nhận trong vị từ [- động] xanh mà thôi.

NGUỒN NGỮ LIỆU

1. *Phật thuyết phụ mẫu đại báo ân trọng kinh*, (Hoàng Thị Ngọc phiên âm, chú giải; Trong sách: *Chữ Nôm và tiếng Việt qua bản giải âm Phật thuyết phụ mẫu đại báo ân trọng kinh*, Nxb KHXH, H., 2002).

2. *Cư trần lạc đạo phú, Đặc thú lâm tuyên thành đạo ca, Hoa yên tự phú, Giáo tử phú*, (Gọi chung là bốn bài phú đời Trần), Trong sách: *Thiền tông bản hạnh*, Hoàng Thị Ngọc phiên âm, chú giải, Nxb Văn học, H., 2009.

3. *Thiền tông khoá hư ngữ lục*, Tác giả bản Hán Văn: Trần Thái Tông, Bản giải nghĩa viết bằng chữ Nôm của Tuệ Tĩnh, có niên đại khoảng cuối thế kỉ XIV, Trần Trọng Dương khảo cứu, phiên chú, Nxb Văn học, H., 2009.

4. *Truyền kì mạn lục giải âm*, Nguyễn Quang Hồng phiên âm, chú giải, Nxb KHXH, H., 2001.

5. *Thiên Nam ngữ lục*, (Nguyễn Thị Lâm khảo cứu, phiên âm, chú giải), Nxb Văn học, Trung tâm văn hoá ngôn ngữ Đông Tây, 2001.

6. *Thiền tông bản hạnh*, (Hoàng Thị Ngọc khảo cứu, phiên âm, chú giải), Nxb Văn học, 2009.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bright W. (Editor in chief), *Encyclopedia of Linguistics*; Oxford University Press, 1992.

2. Chen Linhua, *An Introduction to Linguistics*, 1998, 2008.

3. Diệp Quang Ban, *Ngữ pháp tiếng Việt*; Nxb GD, H., 2005.

4. David Crystal, *An encyclopedic dictionary of language and linguistics*, Penguin books, 1992.

5. Đỗ Hữu Châu, *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*; Nxb GD, H., 1996.

6. Đinh Văn Đức, *Ngữ pháp tiếng Việt: Từ loại*, Nxb ĐHQG, H., 2001.

7. Finegan E., *Language: its structure and use*, Harcourt Brace College Publisher, 1994.

8. Mark Aronoff, Janie Rees-Miller, *The Handbook of linguistics*, Blackwell Publishers Ltd, 2001.

9. Matthews P.H., *Morphology*, Cambridge University Press, 1991.

10. Nguyễn Tài Căn, *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb ĐHQG, H., 1996.

11. Nguyễn Thiện Giáp (chủ biên), Đoàn Thiện Thuật, Nguyễn Minh Thuyết, *Dẫn luận Ngôn ngữ học*, Nxb GD, H., 1995.

12. Nguyễn Thiện Giáp, *Từ vựng học tiếng Việt*, Nxb ĐHQG, 1998.

13. Spencer A., *Morphological theory*, Blackwell, 1981.

14. Головин Б.Н., *Введение в языкознание (Dẫn luận ngôn ngữ học)*, Изд, Высшая школа, Москва, 1983.

15. Реформатский А.А., *Введение в языковедение (Dẫn luận ngôn ngữ học)*, Изд, Просвещение, Москва, 1967.

SUMMARY

This paper deals with reduplications in some Nom texts in the old or medieval Vietnamese, eg. *cành (a branch) - cành cành (branches)*...

Followings are what we have found from the analysis of data.

Most of reduplications here are verbal ones, noun reduplications are fewer than these. The reduplications of other parts of speech are very few.

Some reduplications strictly correspond on a one-to-one basis with Chinese reduplications, eg. *mịt (dark. Vietnamese) = HÔN (dark. Sino Vietnamese). mịt mịt (darker/ darkest) = HÔN HÔN (darker/ darkest)*. Reason for this should be continued to discuss.

Reduplications can have the following meanings: a) plural meaning of nouns or b) cyclic frequentative reduplication of acts or states denoted by verbs or c) high or low level, strong or weak strength of acts or states denoted by verbs.

Meanings a) and b) are permanent ones of these reduplications. They should be considered grammatical meanings. Reduplication is a grammatical manner for their implementation. Semantic feature c) is nonpermanent one due to its dependence on each reduplication. That is why it is lexical meaning.

Those reduplications had been formed in the medieval or old Vietnamese or in the earlier period. Phonetically, many of them can be more or less changed, then be naturally considered reduplicatives.